

Số: 15 /2019/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 24 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy định quản lý nhà nước
về giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2019 và thay thế Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên quyết định ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Điện Biên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /2/

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- L/đ UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công báo tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, L/đ Văn phòng, CV các khối;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể của quản lý nhà nước về giá bao gồm các nội dung sau:

- Bình ổn giá;
- Đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá;
- Định giá, điều chỉnh giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; Thẩm định giá nhà nước;
- Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Những nội dung khác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định của Luật Giá và các văn bản pháp luật hiện hành, các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
2. Trường hợp điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật Giá thì áp dụng theo quy định của điều ước Quốc tế đó.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Mục 1 BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá gồm:

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: Xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu diêzen, dầu mazut;
2. Điện bán lẻ;
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
4. Phân đạm urê; phân NPK;
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;
11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá nêu trên thì thực hiện theo quy định pháp luật đó.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định các biện pháp bình ổn giá và tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, cơ quan, đơn vị chức năng liên quan triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền như sau:

- a) Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn;
- b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định;
- d) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;
- đ) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế;
- e) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 2 ĐĂNG KÝ GIÁ, KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 5. Đăng ký giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Cách thức thực hiện, quy trình tiếp nhận và rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo các quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Sở Tài chính: Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, Điều 3 Quy định này;

b) Sở Công Thương: Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 8, Điều 3 Quy định này;

c) Sở Y tế: Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 11, Điều 3 Quy định này và việc đăng ký giá được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (Gọi chung là cấp huyện): Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quy định này trên địa bàn huyện.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá quy định tại khoản 3 Quy định này có trách nhiệm tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn tỉnh.

5. Hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất Điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo Điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn tỉnh.

6. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 6. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 của Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

b) Xi măng; thép;

- c) Than;
- d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;
- e) Giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay (của tỉnh);
- g) Sách giáo khoa các loại;
- h) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;
- i) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;
- k) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;
- l) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);
- m) Vật liệu xây dựng (trừ xi măng, thép);
- n) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp tại địa phương;
- o) Giá thuốc bảo vệ thực vật các loại;
- p) Giá phân bón các loại (trừ phân đạm; phân NPK);
- q) Gỗ; đồ gỗ các loại; lâm sản (thu mua, khai thác, chế biến, sản xuất)
- r) Nước tinh khiết, nước khoáng đóng chai (sản xuất, kinh doanh)
- s) Vàng bạc, ngoại tệ kinh doanh;
- t) Quặng vàng, đồng, chì, sắt (khai thác, kinh doanh);
- u) Máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ ngành nông nghiệp;
- v) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Cách thức thực hiện

Thực hiện kê khai giá và quy trình tiếp nhận văn bản kê khai giá theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá

- a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm c, đ, g, l, p, r, s, t, v Khoản 1 Điều này;
- b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm k Khoản 1 Điều này;
- c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h Khoản 1 Điều này;
- d) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm e, điểm i Khoản 1 Điều này;

đ) Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, m Khoản 1 Điều này;

e) Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm d, n, o, u Khoản 1 Điều này.

g) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều này trên địa bàn huyện (trừ điểm a Khoản 1 Điều này).

h) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

4. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá quy định tại Điều 3 của quy định này không thực hiện kê khai giá mà thực hiện đăng ký giá. Hết thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá, trước khi điều chỉnh giá, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá tiếp tục thực hiện kê khai giá theo quy định.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá quy định tại Khoản 3 Điều này có trách nhiệm tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

6. Hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất Điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương để gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo Điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

7. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 7. Niêm yết giá

1. Địa điểm thực hiện niêm yết giá

- a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh (có quầy giao dịch và bán sản phẩm).
- b) Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ theo quy định của pháp luật, cửa hàng, cửa hiệu, ki-ốt, quầy hàng, nơi giao dịch thực hiện việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

c) Hội chợ triển lãm có bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

d) Các địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Cách thức niêm yết giá

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện niêm yết giá theo các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết. Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được bán cao hơn hoặc mua thấp hơn giá niêm yết.

b) Đồng tiền niêm yết giá là Đồng Việt Nam trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng.

c) Giá niêm yết là giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

Mục 3 **ĐỊNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH GIÁ**

Điều 8. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) và gửi quyết định giá về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước;

2. Dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).

Điều 9. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Giá các loại đất;

2. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;

3. Giá bình quân trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

4. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

5. Giá nước sạch sinh hoạt;

6. Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

8. Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

9. Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ do tỉnh quản lý, các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

10. Khung giá đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý;

11. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

12. Giá nhà, vật kiến trúc; cây trồng hàng năm, cây trồng lâu năm và vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ cho việc tính bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất;

13. Giá thóc để làm căn cứ thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thu quỹ thủy lợi phí và các quỹ khác theo quy định;

14. Giá Báo và ấn phẩm báo Điện Biên Phủ;

15. Giá tính thuế tài nguyên;

16. Giá tài sản tính thuế, lệ phí trước bạ;

17. Đơn giá quan trắc chất lượng môi trường;

18. Giá giống cây lâm nghiệp;

19. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình và thẩm định giá, phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh

1. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại Khoản 5, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 16 Điều 9 Quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại Khoản 17 Điều 9 Quy định này;

b) Xây dựng phương án giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ xây dựng phương gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại khoản 3, 18 Điều 9 Quy định này;

b) Xây dựng phương án giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

4. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy định này;

b) Xây dựng phương án giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh Quyết định.

5. Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Xây dựng phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại khoản 6 Điều 9 Quy định này;

b) Xây dựng phương án giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; khung giá đối với dịch vụ sử dụng đồ, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh Quyết định;

c) Xây dựng phương án giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ do tỉnh quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đồ, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do tỉnh quản lý; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh Quyết định.

6. Sở Công thương chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước); giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài Ngân sách nhà nước) gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh Quyết định.

7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với giá các loại đất; giá cho thuê đất, thuê mặt nước được thực hiện theo các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai hiện hành.

8. Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 11 Điều 9 Quy định này thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh về việc phân cấp quy định giá, cước vận chuyển hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh Điện Biên.

9. Sở Y tế chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế);

10. Sở Giáo dục và đào tạo chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).

11. Những hàng hóa dịch vụ chưa có quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc hướng dẫn lập, trình, thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ, thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 11. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và giá thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy định này kịp thời xem xét, điều chỉnh giá.

2. Các Tổ chức, các cá nhân có quyền kiến nghị HĐND, UBND tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì cơ quan có thẩm quyền định giá phải trả lời cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bằng văn bản.

Điều 12. Hồ sơ phương án giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 24/8/2014.

Mục 4

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 13. Tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá.

b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

b) Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá.

c) Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Trình tự, thời hạn, trách nhiệm trong việc kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Trình tự kiểm tra yếu tố hình thành giá

Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá theo trình tự sau đây:

a) Gửi quyết định yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá.

b) Có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu cần thiết sau:

- Phương án tính giá hàng hóa, dịch vụ được lập theo phương pháp định giá chung do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn phương pháp định giá với từng lĩnh vực cụ thể do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo phương pháp định giá phù hợp do doanh nghiệp tự thực hiện;

- Các tài liệu, sổ sách, chứng từ phục vụ việc lập phương án giá (bản chính hoặc bảo sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền);

- Bảng định mức kinh tế kỹ thuật mà tổ chức, cá nhân đang áp dụng để xác định giá thành của hàng hóa, dịch vụ.

- Tình hình lưu chuyển hàng hóa (tồn kho đầu năm, đầu quý, đầu tháng; nhập và xuất trong năm, trong quý, trong tháng; tồn kho cuối năm, cuối quý, cuối tháng) và cung ứng dịch vụ.

- Báo cáo tài chính có kiểm toán của năm liên quan đến việc kiểm tra các yếu tố hình thành giá.

- Tài liệu khác liên quan đến nội dung kiểm tra các yếu tố hình thành giá.

c) Tiến hành kiểm tra yếu tố hình thành giá.

d) Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá.

2. Thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá

a) Thời gian một lần kiểm tra tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm tra thì Sở Tài chính phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài nhưng thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

b) Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra các yếu tố hình thành giá, Sở Tài chính có trách nhiệm ban hành và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

3. Trách nhiệm trong việc kiểm tra yếu tố hình thành giá

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với:

+ Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

+ Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 5 THẨM ĐỊNH GIÁ NHÀ NƯỚC

Điều 15. Thẩm định giá nhà nước

1. Tài sản mà Nhà nước phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định tài sản theo yêu cầu hoặc đề nghị (sau đây gọi chung là yêu cầu) bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 31 và Điều 44 của Luật Giá;

3. Trình tự, thủ tục thẩm định giá của nhà nước thực hiện theo Mục 4, Chương II Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 38/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4. Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 38/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

5. Trường hợp cần thiết thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 45 của Luật Giá, Điều 28 của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ.

Mục 6 THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁ

Điều 16. Thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.
2. Chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp, quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý chuyên ngành.
3. Định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền.
4. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan tại địa phương; giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.
5. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương; phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Khoản 2, Điều 31 và Điều 44 của Luật Giá.

Điều 17. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Sở Tài chính

1. Tổ chức triển khai, thực hiện các văn bản pháp luật về giá và các quyết định về giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành trung ương trên địa bàn.
2. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá trên địa bàn tỉnh.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh kịp thời tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá cụ thể; tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo thẩm quyền;
4. Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi được ủy quyền.
5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá (đăng ký giá) của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường hoặc theo chỉ đạo của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ trì hiệp thương giá của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.
6. Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành những quy định của pháp luật về quản lý giá, thẩm định giá; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá trên địa bàn.
7. Hướng dẫn các cơ quan nhà nước, các tổ chức cá nhân xây dựng và lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ; thẩm định giá tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.
8. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá; tổng hợp, phân tích và dự báo sự biến động giá trên địa bàn tỉnh; báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định về giá của cấp có thẩm quyền quyết định; các quy định về bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá và niêm yết giá đối với các mặt hàng do các đơn vị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.
2. Có trách nhiệm tham mưu, xây dựng lập, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.
3. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định phương án giá trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc Sở Tài chính quyết định theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Tham gia định giá, xây dựng các phương án giá theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra giá do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

Điều 19. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, (gọi chung là cấp huyện)

1. Triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản pháp luật về giá trên địa bàn để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.
2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định về giá của cấp có thẩm quyền quyết định; các quy định về bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá và niêm yết giá trên địa bàn.
3. Điều tra thụ thập thông tin, giá cả thị trường, hàng hóa vật tư lưu thông trên thị trường và lưu trữ thông tin về giá, báo cáo hàng tháng về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính để nắm bắt tình hình giá cả thị trường (Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính);
4. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá hàng hóa dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.
5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về giá theo quy định của pháp luật. Tiến hành điều tra chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, giá mua, giá bán sản phẩm hàng hóa thuộc diện bình ổn giá, trợ giá theo kế hoạch của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.
6. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng ban có liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn theo quy định.

Điều 20. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Phòng Tài chính các huyện, thị xã, thành phố

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì và phối hợp với các phòng ban chuyên môn triển khai, thực hiện quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc cấp huyện cấp phép kinh doanh và quản lý theo quy

định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

3. Phối hợp cùng các đơn vị có liên quan kiểm tra, kiểm soát việc đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá, bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn huyện.

4. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ hàng tháng và đột xuất về giá thị trường với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo quy định.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn